

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
ĐÔNG NAM Á**

ASEAN SECURITIES

Số: 100 /2016/CV-ASEANSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----&&&-----

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SGDCK**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại: 04.62753844 - Fax: 04.62753816

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thị Thanh Bình – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04.62753844 - Fax: 04.62753816

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

- Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

Thông tin công bố và toàn văn Báo cáo tài chính năm 2015 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2015 đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn <https://www.aseansc.com.vn>, mục Quan hệ cổ đông/Báo cáo.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính năm 2015
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm 2015

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

Người được ủy quyền công bố thông tin 



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Thanh Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO BẢN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÁN TÀI CHÍNH	6 - 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á trình bày Báo cáo của mình, Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015002 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép thành lập hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 34/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 12 năm 2006, đăng ký điều chỉnh mới nhất theo Giấy phép số 28/GPĐC - UBCK cấp ngày 10/06/2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng anh: SOUTHEAST ASIA SECURITIES CORPORATION.

Tên viết tắt của Công ty là: ASEAN SECURITIES.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
- Lưu ký chứng khoán;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thanh Bình	Phó Chủ tịch
Bà Đặng Thị Hà Nguyên	Ủy viên
Ông Hoàng Việt Đức	Ủy viên
Bà Vũ Thị Lan	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Bà Lê Thị Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Tiến	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính để Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết và chịu trách nhiệm đảm bảo rằng việc lập và trình bày Báo cáo này là hoàn toàn phù hợp và tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính, Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 cũng như Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác đến việc lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thị Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Số. 317/2016/BCKT-BCTLATTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 11 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đã được lập và trình bày phù hợp với quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.



A blue ink signature, likely belonging to Bùi Thị Thúy, the auditor.

Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 15/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG NAM Á

Công ty CP Chứng khoán Đông Nam Á

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số Công văn:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

Hà nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập Báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập Báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ Báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung Báo cáo.

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Phương

Vũ Thu Thủy

Lê Thị Thanh Bình

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn chủ sở hữu	(1)	(2)	(3)
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	335.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)			
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)			
5	Quỹ đầu tư phát triển			
6	Quỹ dự phòng tài chính	2.945.994.322		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(54.616.496.887)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)			
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số[2]			
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		792.182.997	1.581.600.306
1A	Tổng			284.118.914.744
B	Tài sản ngắn hạn	-	8.361.655.933	-
I	Tiền và các khoản tương đương tiền		-	
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	
1	Đầu tư ngắn hạn		-	
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		7.721.591.388	
1	Phải thu của khách hàng		-	
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Trả trước cho người bán		-	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		7.673.066.588	
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		7.673.066.588	
5	Các khoản phải thu khác		48.524.800	
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		48.524.800	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
IV	Hàng tồn kho		-	
V	Tài sản ngắn hạn khác		640.064.545	
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		628.064.545	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác		12.000.000	
4.1	Tạm ứng		-	
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		12.000.000	
1B	Tổng			8.361.655.933
C	Tài sản dài hạn		13.121.544.637	-
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		-	
1	Phải thu dài hạn của khách hàng		-	
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3	Phải thu dài hạn nội bộ		-	
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4	Phải thu dài hạn khác,		-	
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		5.029.407.765	
III	Bất động sản đầu tư		-	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5			
4	Đầu tư dài hạn khác			
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		8.092.136.872	
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5			
1C	Tổng			13.121.544.637
VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C				262.635.714.174

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: VND

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG			
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro
		(1)	(2)
			Giá trị rủi ro (3)= (1)x(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			
			66.769.161.321
1	Tiền mặt (VND)	0%	41.769.161.321
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	25.000.000.000
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	
II. Trái phiếu Chính phủ			-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định		
5,1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%	
5,2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	
III. Trái phiếu doanh nghiệp			-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	
IV. Cổ phiếu			136.463.944.938
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	731.644.600
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	38.334.626.500
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	1.753.200
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	10.900.000.000
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	86.495.920.638
			52.341.669.394

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)= (1)x(2)
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			4.320.000	2.160.000
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	4.320.000	2.160.000
VII. Các tài sản khác			-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại CK khác	80%		-
18	Các tài sản đầu tư khác			-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)			30.842.474.603	6.168.494.921
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Ngân hàng Việt Á	20%	30.842.474.603	6.168.494.921
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				58.512.324.315
B. RỦI RO THANH TOÁN				
Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro		Tổng giá trị rủi ro
		Đối với tổ chức TD, TC, KDCK tại VN	Đối với tổ chức cá nhân khác	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán				3.621.681.537
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh CK	1.500.000.000	-	1.500.000.000
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất			-
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất			-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất			-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất			-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất		2.121.681.537	2.121.681.537
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán				-
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			
2	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			
3	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			
4	Từ 60 ngày trở đi			
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			1.003.119.108	200.623.822
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Công ty CP Đầu tư XD & TM Thành Công	20%	798.332.469	159.666.494
2	Công ty TNHH Trung Lũng Vua	20%	204.786.639	40.957.328
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)				3.822.305.359

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

II - BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		Giá trị
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	52.245.203.068
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	(195.100.559)
	1. Chi phí khấu hao	1.706.328.673
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2.446.733.424)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	545.304.192
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	52.440.303.627
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	13.110.075.907
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	60.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})		60.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		122.334.629.673

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	58.512.324.315	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	3.822.305.359	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	60.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	122.334.629.673	
5	Vốn khả dụng	262.635.714.174	
6	Tỷ lệ Vốn khả dụng (6=5/4)	214,69	%

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Phương



Vũ Thu Thủy



Lê Thị Thanh Bình